

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3/91/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 505/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 131/TTr-SKHĐT ngày 13 tháng 12 năm 2021.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Cụ thể như sau:

1. Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 cho các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố theo các phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Giao danh mục, mức vốn ngân sách địa phương bố trí kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho từng chương trình, dự án, nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư theo các phụ lục kèm theo tại Quyết định này.

Điều 2. Triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo danh mục, mức vốn theo các phụ lục kèm theo tại Điều 1 cho các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư thực hiện và kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

2. Trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được thông báo. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định về kế hoạch đầu tư công trung hạn bao gồm danh mục và mức vốn do cấp mình quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 62 Luật Đầu tư công (kể cả các dự án được bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Luật Đầu tư công) và đúng theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định tại Nghị quyết số 505/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang; đồng thời phải thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án chuyển tiếp, khởi công mới dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư; trên cơ sở đó, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh giao danh mục, mức vốn ngân sách địa phương bố trí kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định.

4. Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định của Luật



Đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu các dự án do đơn vị quản lý. Trường hợp phát hiện các thông tin, số liệu không chính xác, phải kịp thời báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các chủ đầu tư và Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *l. vccc*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của Quyết định;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (05b);
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT, nkguyen (01b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



amb

Lâm Minh Thành





Phụ lục tổng hợp

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 -2025
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

(Kèm theo Quyết định số 3191 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 (theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của HĐND tỉnh)	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Chênh lệch so kế hoạch (tăng +/giảm -)
1	2	3	4	5
I	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	21.440.300	20.877.295	-563.005
	<i>Trong đó:</i>			
1	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	5.747.500	5.241.995	-505.505
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	7.000.000	7.000.000	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	8.644.000	8.586.500	-57.500
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	48.800	48.800	

Phụ lục

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021-2025 vốn đầu tư trong các đối tượng ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:						
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ (A+B+C+D)				24.671.199	14.602.718	9.103.783	4.873.528	20.877.295	5.241.995	7.000.000	8.586.500	48.800	10.628.781	
A	VỐN BỔ TRỢ ĐẦU TƯ THEO NGÂN LĨNH VỰC VÀ BỔ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM				24.671.199	14.602.718	9.103.783	4.873.528	12.613.118	3.478.772	2.800.000	6.285.546	48.800	2.624.646	
	- Trong đó: Bổ trí dự án chuyển tiếp				17.593.627	10.626.322	9.090.031	4.859.798	5.941.060	693.880	2.121.000	3.126.780	0	641.397	
	- Trong đó: Bổ trí dự án khởi công mới								6.066.958	2.169.192	679.000	3.158.766		1.983.049	
	- Trong đó: trả nợ gốc + vốn vay lại								74.500	25.700	0	0	48.800	0	
	- Trong đó: Bổ trí bồi hoàn giải phóng mặt bằng (từ tiền thuê đất)								590.000	590.000				0	
1	Sử Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				3.127.820	501.438	1.063.996	249.119	716.107	716.107	0	0	0	0	
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				2.246.328	501.438	1.063.996	249.119	268.022	268.022	0	0	0	0	
1	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 -2020	toàn tỉnh	2018-2023	2409/QĐ-UBND, ngày 30/01/2018 của UBND tỉnh;	96.346	96.346	66.115	66.115	30.000	30.000					
2	Trạm cấp nước U Minh Thượng, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	huyện U Minh Thượng	2019-2021	2527/QĐ-UBND, ngày 21/10/2019 của UBND tỉnh;	30.000	30.000	8.500	8.500	21.000	21.000					
3	Trạm cấp nước liên xã Vĩnh Phong - Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận.	huyện Vĩnh Thuận	2019-2021	2525/QĐ-UBND, ngày 21/01/2019 của UBND tỉnh;	37.000	37.000	8.500	8.500	28.000	28.000					
4	Dự án nâng cấp mở rộng Trạm cấp nước xã Nam Thái và mở rộng tuyến ống hệ thống cấp nước liên xã huyện An Biên	huyện An Biên	2019-2021	2526/QĐ-UBND, ngày 21/01/2019 của UBND tỉnh;	59.982	59.982	25.000	25.000	34.900	34.900					
5	Hệ thống đường ống nước xã Tân Khánh Hòa	xã Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành	2019-2020	732/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh;	18.000	18.000	16.000	16.000	1.500	1.500					Thanh toán quyết toán





Đanh mục dự án

Địa điểm xây dựng

Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư

Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020

Kế hoạch năm 2021-2025 vốn đầu tư trong các dự án ngân sách tỉnh

Phần cấp vốn huyện, thị trấn

Ghi chú

1	2	3	4	5	Tổng mức đầu tư		8	9	10	Trong đó:			15	16		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:				
												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
6	Tru sở làm việc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Kiên Giang	thị trấn Rạch Giá	2019-2021	376/QĐ-SKHĐT, ngày 30/10/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	14.598	14.598	8.511	8.511	6.400	6.400						
7	Hồ chứa nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực huyện An Minh*	huyện An Minh	2017-2021	2591/QĐ-UBND, ngày 30/10/2015; 1135/QĐ-UBND, ngày 22/5/2017; 951/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND tỉnh;	123.000	1.000	116.000	6.000	7.000	7.000						
8	Hồ chứa nước Bãi Cây Mắm, huyện Kiên Hải	xã An Sơn, huyện Kiên Hải	2017-2022	2281/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; 317/QĐ-UBND, ngày 10/8/2020; 233/QĐ-UBND, ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh;	152.289	44.289	89.000	31.000	13.000	13.000						
9	Khu men điều chỉnh trị béo cho tiêu cá cơm sông Cù Lôn - Cù Đé, tỉnh Kiên Giang	huyện Châu Thỉnh, huyện An Biên	2017-2022	2296/QĐ-UBND, ngày 31/10/2017; 3221/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	80.014	36.000	64.694	28.694	5.000	5.000						
10	Dự án chuyển đổi nghề nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT).	toàn tỉnh	2015-2022	2731/QĐ-UBND, ngày 10/11/2015; 1100/QĐ-UBND, ngày 15/5/2019; 462/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh;	328.551	49.050	104.550	13.621	44.000	44.000						
11	Tiểu dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng phòng chống sóng lợ bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản huyện An Minh, An Biên - thuộc dự án chỉnh trị chi tiêu hữu trợ trợ và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	huyện An Biên, An Minh	2017-2021	1044/QĐ-UBND, 06/5/2016; 473/QĐ-UBND, 04/3/2019 của UBND tỉnh;	736.800	109.373		34.000	75.000	75.000						
12	Công trình hệ thống thủy lợi phục vụ Nuôi trồng thủy sản vùng Vàm Răng - Ba Hôn, tỉnh Kiên Giang	huyện Hòn Dê - Kiên Lương	2007-2021	1243/QĐ-UBND, 09/7/2007; 3115/QĐ-UBND, 14/7/2009; 3053/QĐ-UBND, 27/12/2013; 832/QĐ-UBND, 27/4/2015; 210/QĐ-UBND, 23/01/2017; 2792/QĐ-UBND, 08/12/2020 của UBND tỉnh.	559.348	5.400	557.126	3.178	2.222	2.222						
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				881.492	0	0	0	448.085	448.085	0	0	0	0		
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước đô thị liên huyện: An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận	các huyện: An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Gò Quao	2022-2025	36/NQ-HĐND, ngày 14/11/2012 của HĐND tỉnh;	881.492				448.085	448.085						
II	Số Giao thông vận tải				6.366.947	4.801.147	1.131.167	944.097	3.154.328	924.520	1.343.808	886.000	0	0		



Đanh mục dự án

1	2	3	4	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong các dự án ngân sách tỉnh				15	16			
				Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh			Trong đó:		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh							Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu số sổ kết thiết
5	6	7	8	9	10	11	12	13	14							
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				3.476.306	3.210.506	1.118.861	931.791	2.247.708	196.900	1.164.808	886.000	0	0		
1	Cải tạo, nâng cấp Đường vào khu cũ Tỉnh ủy ở U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng	2019-2022	2511/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	125.000	125.000	34.115	34.115	90.900			90.900				
2	Dự án nâng cấp đường Thứ 2 đến Công Su, huyện An Biên và U Minh Thượng.	các huyện: An Biên, U Minh Thượng	2019-2023	2272/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; 1214/QĐ-UBND, ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh; (277.849 trđ)	199.999	199.999	136.698	136.698	141.000			141.000				
3	Đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT.964; hạng mục cầu; huyện An Biên, An Minh	các huyện: An Biên, An Minh	2019-2021	2689/QĐ-UBND, ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh;	63.307	63.307	30.404	30.404	32.900			32.900				
4	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.963B (đoạn Bến Nhứt - Giồng Riềng)	huyện Giồng Riềng	2018-2021	số 2411/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018; số 697/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh;	133.759	133.759	86.000	86.000	28.100	28.100						
5	Cải tạo nâng cấp cầu Hùng Vương, Thành phố Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc	2019-2021	số 1798/QĐ-UBND, 09/8/2019, số 1451/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh;	49.995	49.995	28.200	28.200	21.700	21.700						
6	Cầu Mỹ Thái (vượt kênh Rạch Giã - Hà Tiên)	huyện Hòn Đất	2019-2022	2515/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	79.543	79.543	20.000	20.000	59.500			59.500				
7	Dự án đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch Giã, phường Vĩnh Thành, thành phố Rạch Giã, tỉnh Kiên Giang	thành phố Rạch Giã	2019-2023	2233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh;	409.993	409.993	125.000	125.000	284.900		284.900					
8	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Giành Dầu và xây dựng mới nhiều nút với đường trục Nam - Bắc	Thành phố Phú Quốc	2019-2023	1752/QĐ-UBND, ngày 02/6/2019; 2803/QĐ-UBND, 10/12/2019 của UBND tỉnh;	919.628	919.628	210.000	210.000	709.908		709.908					
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 61 đoạn Km88+774 (nút giao QL.63 thị trấn Minh Lương, Chứa Thành) đến Km90+074 (nút giao Rạch Sỏi, QL.80, thành phố Rạch Giã)	huyện Châu Thành và thành phố Rạch Giã	2019-2023	2512/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	150.000	150.000	40.187	40.187	20.800	20.800						
10	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)	các huyện: An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Gò Quao.	2017-2022	63/HĐND-VP, 29/3/2017; số 528/NQ-HĐND ngày 23/12/2020; số 17/NQ-HĐND ngày 06/10/2021 của HĐND tỉnh;	392.122	126.322	187.070		126.300	126.300						
11	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường ven biển từ Rạch Giã đi Hòn Đất	thành phố Rạch Giã và huyện Hòn Đất	2019-2023	2232/QĐ-UBND, ngày 30/9/2019; 2499/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	952.960	952.960	221.187	221.187	731.700		170.000	561.700				



Thành mục dự tư

1	2	3	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong các đối tượng sách tỉnh					15	16
			4	5	Tổng mức đầu tư		8	9	10	Trong đó:			14		
					6	7				11	12	13			
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; nghị, thông, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn quỹ chi ngân sách địa phương		
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				2.890.641	1.590.641	12.306	12.306	906.620	727.620	179.060	0	0	0	0
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành	2019-2023	2070/QĐ-UBND, ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh; số 22/NQ-UBND, 06/10/2021 của HĐND tỉnh;	1.410.719	1.410.719	12.306	12.306	717.620	717.620					
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	các huyện: Hòn Đất, Kiên Lương	2021-2024	số 495/NQ-HĐND, 11/11/2020 của HĐND tỉnh; số 2247/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh; số 38/NQ-HĐND, 14/11/2021 của HĐND tỉnh;	1.479.922	179.922			179.000		179.000				
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau	các huyện: An Biên, An Minh		số 538/QĐ-SGTVT ngày 07/12/2021 của Sở Giao thông vận tải;					6.000	6.000					
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường DT.983 đoạn Quốc lộ 80 - Vi Hiệp, Giồng Riềng	các huyện: Tân Hiệp, Giồng Riềng		số 539/QĐ-SGTVT ngày 07/12/2021 của Sở Giao thông vận tải;					4.000	4.000					
III	Sở Y tế				7.870.294	4.625.422	5.390.963	2.691.148	1.819.974	0	0	1.819.974	0	0	0
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				7.840.299	4.595.427	5.390.963	2.691.148	1.789.979	0	0	1.789.979	0	0	0
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang - quy mô 1020 giường	thành phố Rạch Giá	2016-2020	2236/QĐ-UBND, ngày 29/10/2014; 2010/QĐ-UBND, ngày 25/9/2017; 2247/QĐ-UBND, ngày 01/10/2019; 2664/QĐ-UBND, ngày 21/11/2019; 2958/QĐ-UBND, ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh;	4.113.078	1.890.000	3.291.860	1.380.660	509.000		509.000				
1	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	huyện Giang Thành	2022-2024	2280/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh; 90/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của HĐND tỉnh	235.606	235.606	38	38	235.500			235.500			
2	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng	2018-2020	số 2279/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; số 1125/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh; 31/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của HĐND tỉnh	251.700	251.700	2.661	2.661	249.000			249.000			
3	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường.	thành phố Rạch Giá	2019-2023	2433/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh;	761.195	761.195	296.507	296.507	464.688			464.688			



ban chấp hành

1	2	3	4	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 - 2025 vốn đầu tư trong các đối tượng sách tỉnh				15	16	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tổng cả các nguồn vốn)	Trong các nguồn sách tỉnh	Tổng số (tổng cả các nguồn vốn)	Trong các nguồn sách tỉnh	Trong đó:					
					Tổng số (tổng cả các nguồn vốn)	Trong các nguồn sách tỉnh					Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			Đầu tư từ nguồn hụi chi ngân sách địa phương
4	Đầu tư phòng máy lý thuật Cao (HYBRID) cho bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	2019-2021	2486/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	245.168	245.168	134.926	134.926	110.242			110.242				
5	Bệnh viện Sản Nũ	thành phố Rạch Giá	2015-2022	số 426/QĐ-UBND ngày 03/3/2015; số 1592/QĐ-UBND ngày 19/8/2020; số 1982/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh;	915.857	735.573	735.208	554.924	180.649			180.649				
6	Bệnh viện Lao tịc	thành phố Rạch Giá	2010-2020	68/QĐ-UBND, 10/01/2011; 1115/QĐ-UBND, 12/5/2016; 1065/QĐ-UBND, 12/5/2017 của UBND tỉnh;	329.134	205.369	312.239	188.474	900			900				
7	Bệnh viện Tâm thần	thành phố Rạch Giá	2010-2020	67/QĐ-UBND, 10/01/2011; 2629/QĐ-UBND, 04/12/2017 của UBND tỉnh;	166.192	104.296	120.160	58.150	25.000			25.000				
8	Bệnh viện Ung bướu	thành phố Rạch Giá	2011-2018	2085/QĐ-UBND, 22/9/2011; 212/QĐ-UBND, 23/01/2017 của UBND tỉnh;	822.369	165.520	497.424	74.808	15.000			15.000				
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				29.995	29.995	0	0	29.995	0	0	29.995	0	0		
1	Cải tạo, sửa chữa, sửa chữa thiết bị Trung tâm Y tế thành phố Phú Quốc	thành phố Phú Quốc	2021-2023	số 162/QĐ-BQLKTPQ ngày 28 tháng 7 năm 2021 của BQL khu kinh tế Phú Quốc;	29.995	29.995			29.995			29.995				
IV	Sở Giáo dục và Đào tạo				668.845	609.759	0	0	695.574	0	0	695.574	0	0		
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				56.271	4.185	0	0	4.185	0	0	4.185	0	0		
1	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở phòng học Mẫu nưc và Tiểu học tỉnh Kiên Giang	toàn tỉnh		số 2270/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; số 2114/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh;	56.271	4.185			4.185			4.185			hết toàn (2348/TT-SGDĐT, 22/9/2021 của Sở GD&ĐT)	
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				612.574	695.574	0	0	691.389	0	0	691.389	0	0		
1	Trường Phổ thông cơ sở Hòn Nghê, huyện Kiên Lương	xã Hòn Nghê, huyện Kiên Lương	2021-2022	418/QĐ-SKHĐT, ngày 24/12/2020 của Sở KH&ĐT;	14.000	7.000			7.000			7.000				
2	Trường Trung học phổ thông An Minh	thị trấn Thới 11, huyện An Minh	2021-2023	3161/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh;	20.000	20.000			20.000			20.000				



Đanh mục dự án

1	2	3	4	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lay kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 - 2025 vốn đầu tư trong các đối tượng sách tỉnh				15	16	
				5	6	Tổng mức đầu tư		10	Trong đó:					
						7	8		9	11	12			13
		Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xã số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn hội chi ngân sách địa phương	Phần cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
3	Đầu tư xây dựng công trình Trường Trung học phổ thông Phú Quốc	phường Dương Đông, TP Phú Quốc	2022-2024	545/NQ-HĐND, ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh;	42.000	42.000			37.815			37.815		
4	Trường Trung học phổ thông Dương Đông	phường Dương Đông, TP Phú Quốc	2021-2023	3049/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	29.900	29.900			29.900			29.900		
5	Trường Trung học phổ thông An Thới	phường An Thới, TP Phú Quốc	2021-2023	3043/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	29.995	29.995			29.995			29.995		
6	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Thắng	xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao	2021-2023	3041/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	24.000	24.000			24.000			24.000		
7	Trường Trung học cơ sở Định Hòa	xã Định Hòa, huyện Gò Quao	2021-2022	3042/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	13.315	13.315			13.315			13.315		
8	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Hà Tiên	phường Pháo Đài, thành phố Hà Tiên	2021-2023	3047/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	26.000	26.000			26.000			26.000		
9	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành	thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành	2021-2023	3046/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	14.000	14.000			14.000			14.000		
10	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Văn Xĩa	xã Tân Thành, huyện An Minh	2021-2023	3048/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	21.000	21.000			21.000			21.000		
11	Trường Trung học phổ thông An Biên	huyện An Biên	2021-2023	3050/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	19.000	19.000			19.000			19.000		
12	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông Kiên Giang	phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá	2023-2025	3212/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	16.853	16.853			16.853			16.853		
13	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn Vĩnh Thuận	thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận	2022-2024	239/QĐ-SKHĐT ngày 13/8/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	14.980	14.980			14.980			14.980		
14	Trường Tiểu học Phạm Văn Hón, huyện U Minh Thượng	xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng	2022-2024	3212/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	16.500	16.500			16.500			16.500		
15	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Minh Thuận	xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng	2022-2024	3212/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	14.980	14.980			14.980			14.980		



Danh mục dự án

1	2	3	4	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đi bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 - 2025 vốn đầu tư trong các đối tượng sách tính				Phần cấp vốn huyện, thị trấn	Ghi chú			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh					Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước			Đầu tư từ nguồn thu xã số tiền thiết	Đầu tư từ nguồn tài trợ ngân sách địa phương	Đầu tư từ nguồn tài trợ ngân sách địa phương
16	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vinh Hòa	xã Vinh Hòa, huyện U Minh Thượng	2022-2024	3212/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	16.000	16.000			16.000				16.000			
17	Trường trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vinh Hòa Hưng Bắc	xã Vinh Hòa Hưng Bắc, huyện Go Quao	2022-2024	3212/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	14.700	14.700			14.700				14.700			
18	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang	phường Vinh Lạc, thành phố Rạch Giá	2021-2023	3212/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	8.000	8.000			8.000				8.000			
19	Trường Tiểu học Phú Lợi	xã Phú Lợi, huyện Giang Thành	2021-2022	số 216/QĐ-SKHĐT ngày 15/7/2021 của Sở KHĐT;	14.980	14.980			14.980				14.980			
20	Trường Trung học phổ thông Cây Dương	xã Tân Thành, huyện Tân Hiệp	2021-2023	3044/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	18.000	18.000			18.000				18.000			
21	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vinh Phong	xã Vinh Phong, huyện Vinh Thuận	2022-2024	3212/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	12.000	12.000			12.000				12.000			
22	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trường Tộ	thành phố Rạch Giá	2022-2024	785/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh;	29.999	29.999			29.999				29.999			
23	Trường Trung học cơ sở Đông Hồ	thành phố Hà Tiên	2023-2025	số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	29.500	29.500			29.500				29.500			
24	Trường Trung học phổ thông Thoại Ngọc Hầu	xã Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành	2023-2025	số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	14.795	14.795			14.795				14.795			
25	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bình Sơn, huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất	2022-2024	số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	21.500	21.500			21.500				21.500			
26	Trường Trung học phổ thông Thạch Đông	huyện Tân Hiệp	2023-2025	số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	18.104	18.104			18.104				18.104			
27	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Hồng Hiệp, huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất	2023-2025	số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	18.666	18.666			18.666				18.666			
28	Trường Trung học phổ thông Giồng Riềng	huyện Giồng Riềng	2023-2025	số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	19.418	19.418			19.418				19.418			



1	2	3	4	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 - 2025 vốn đầu tư trong các đối tượng sách tính					15	16
				5	Tổng mức đầu tư		8	9	10	Trong đó:					
					6	7				11	12	13	14		
Thời gian khởi công - hoàn thành				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xã số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn quỹ chi ngân sách địa phương	Phần cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
29	Xây dựng mới 06 phòng học và cầu tao, sửa chữa 12 phòng học Trường Tiểu học thị trấn Giồng Rừng 1, xây dựng mới 06 phòng học Trường Trung học cơ sở Mái Thi Hồng Hạnh, huyện Giồng Rừng.	huyện Giồng Rừng	2023-2024	Số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	10.642	10.642			10.642			10.642			
30	Trường Trung học phổ thông Kiên Lương	huyện Kiên Lương	2023-2025	Số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	24.971	24.971			24.971			24.971			
31	Trường Tiểu học thị trấn Kiên Lương I	huyện Kiên Lương	2023-2025	Số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	11.932	11.932			11.932			11.932			
32	Trường Trung học cơ sở và Trường học phổ thông Phan Thị Ràng, huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất	2023-2025	Số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	12.844	12.844			12.844			12.844			
V	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội				242.484	242.484	56.365	56.365	182.571	5.000	0	177.571	0	0	
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				95.244	95.244	56.365	56.365	35.141	0	0	35.141	0	0	
1	Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	2019-2021	2435/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh;	25.000	25.000	9.000	9.000	16.000			16.000			
2	Đầu tư mua sắm thiết bị nâng cao năng lực đào tạo cho các trường trung cấp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	tỉnh Kiên Giang	2019-2021	2487/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	35.000	35.000	25.000	25.000	10.000			10.000			
3	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ huyện An Minh	huyện An Minh	2019-2020	334/QĐ-SKHĐT, 29/10/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	7.000	7.000	4.600	4.600	320			320			
4	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao	xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao	2019-2020	338/QĐ-SKHĐT, 30/10/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	3.000	3.000	2.100	2.100	46			46			thanh toán quyết toán
5	Chính trang cơ sở hạ tầng khu tổ chức thuộc nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang, HCM: tường rào bao quanh, nhà vệ sinh, xây rải hồ mồi, san lấp mặt bằng, hệ thống giao thông, thoát nước, hệ thống cấp điện chiếu sáng và cây xanh.	thành phố Rạch Giá	2016-2017	380/QĐ-SKHĐT, 26/10/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	14.894	14.894	12.665	12.665	775			775			thanh toán quyết toán
6	Nghĩa trang Liệt sĩ Cây Bàng	xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng	2019-2020	339/QĐ-SKHĐT, 30/10/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	10.350	10.350	3.000	3.000	8.000			8.000			
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				147.240	147.240	0	0	147.430	5.000	0	142.430	0	0	



Đanh mục dự án

1	2	3	4	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020			Kế hoạch năm 2021 - 2025 vốn đầu tư trong cấu đối ngân sách tỉnh				15	16		
				Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tổng cả các nguồn vốn)	Trung bình (tổng cả các nguồn vốn)	Tổng số (tổng cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Phần cấp vốn huyện, thị, quận lý	
						Tổng số (tổng cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh				Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu số kế kiến thiết				Đầu tư từ nguồn hội chi ngân sách địa phương
1	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang	xã Long Thành, huyện Giồng Riềng	2021-2024	544/NQ-HBND, ngày 14/01/2021 của HBND tỉnh;	55.000	55.000			55.000			55.000				
2	Cải tạo, xây mới, mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	2021-2023	số 1062/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh;	20.000	20.000			20.000			20.000				
3	Sửa chữa, cải tạo Ký túc xá và mua sắm thiết bị Trường Trung cấp Việt - Hàn Phú Quốc	thành phố Phú Quốc	2021-2023	số 1052/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh;	5.420	5.420			5.420			5.420				
4	Cải tạo, sửa chữa, xây mới và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp nghề Vùng 7/6 Giác Long Xuyên	huyện Kiên Lương	2021-2023	số 1052/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh;	14.980	14.980			14.980			14.980				
5	Xây dựng mới 03 phòng học và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp nghề Tân Hiệp	huyện Tân Hiệp	2021-2023	số 1062/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh;	5.000	5.000			5.000			5.000				
6	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ huyện Gò Quao	huyện Gò Quao	2021-2023	số 1062/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh;	14.000	14.000			14.190			14.190				
7	Sửa chữa, cải tạo Nghĩa trang liệt sĩ thành phố Hà Tiên	thành phố Hà Tiên	2021-2023	số 1062/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh;	10.150	10.150			10.150			10.150				
8	Nâng cấp, cải tạo mộ Nghĩa trang liệt sĩ huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất	2021-2023	số 1062/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh;	10.030	10.030			10.030			10.030				
9	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở xây mới 06 phòng học và mua sắm thiết bị trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	2021-2023	số 1062/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh;	7.660	7.660			7.660			7.660				
10	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Lao động - Thương binh và xã hội Kiên Giang (giai đoạn 2)	thành phố Rạch Giá	2021-2023	số 1062/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh;	5.000	5.000			5.000	5.000						
VI	Sở Văn hóa và Thể thao				796.533	511.533	177.190	115.424	392.224	104.346	0	287.878	0	0		
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				298.424	213.424	176.466	114.700	98.724	14.846	0	83.878	0	0		
1	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	thành phố Rạch Giá	2017-2022	2283/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; 1051/QĐ-UBND, ngày 22/8/2020; 944/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh;	130.000	50.000	71.375	14.609	35.391			35.391				



Ban hành mục đích an

1	2	3	4	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong các đối tượng sách tính					15	16		
				Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung dưc (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung dưc (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Phần cấp vốn huyện, thị quản lý	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trung dưc (tất cả các nguồn vốn)					Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xã số kiến thiết				Đầu tư từ nguồn thu chi ngân sách địa phương
2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020	thành phố Rạch Giá	2019-2022	2434/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh;	49.616	49.616	1.129	1.129	48.487			48.487					
3	Dự án bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa.	toàn tỉnh	2017-2021	số 2282/QĐ-UBND, 30/10/2017; số 1722/QĐ-UBND, 12/7/2021 của UBND tỉnh;	36.000	36.000	24.650	24.650	11.350	11.350							
4	Bảo tồn và phát triển áp văn hóa truyền thống dân tộc Khmer	huyện Châu Thành	2010-2021	1856, 24/8/2010; 1167, 18/5/2018; 3205, 30/10/2020;	8.873	8.873	8.114	8.114	759	759							
5	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện An Minh	huyện An Minh	2013-2015	số 1630/QĐ-UBND ngày 26/6/2013; số 2965/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh;	28.972	23.972	27.534	22.534	1.438	1.438					Trả nợ quyết toán (số 1153/TT-SVHTT, 13/9/2021)		
6	Thư viện tổng hợp tỉnh	thành phố Rạch Giá	2014-2019	số 1873/QĐ-UBND ngày 01/10/2007; số 2240/QĐ-UBND ngày 29/10/2014; số 596/QĐ-UBND ngày 24/4/2018; số 2521/QĐ-UBND ngày 31/10/2019;	44.963	44.963	43.664	43.664	1.299	1.299					Trả nợ quyết toán (số 1153/TT-SVHTT, 13/9/2021)		
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				498.109	298.109	724	724	293.500	89.500	0	264.000	0	0			
1	Đầu tư xây dựng quảng trường trung tâm và hương đài Bác Hồ tại phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	thành phố Phú Quốc	2021-2025	211/TB-HĐND, 17/9/2015; 548/NQ-HĐND, ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh;	353.809	153.809	724	724	153.000			153.000					
2	Dự án Cải tạo nhà chôn trù số làm việc Sở Văn hóa, Thể thao tỉnh Kiên Giang; Hàng rào bảo vệ Khuôn viên Công viên văn hóa An Hòa.	phường An Hòa, thành phố Rạch Giá	2021-2023	Số 249/QĐ-SKHĐT ngày 13/9/2021 của Sở KH&ĐT;	9.500	9.500			9.500	9.500							
3	Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử và thắng cảnh Ba Hòa, huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất	2021-2023	Số 894/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh;	5.000	5.000			5.000			5.000					
4	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện Giang Thành	huyện Giang Thành	2022-2023	Số 894/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh;	23.000	23.000			23.000			23.000					
5	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng	2022-2023	Số 894/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh;	23.000	23.000			23.000			23.000					
6	Đầu tư hệ thống nội thất và thiết bị trung bày công trình Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	thành phố Rạch Giá	2022-2025	số 34/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của HĐND tỉnh;	83.800	83.800			80.000	80.000							
VII	Các trường cao đẳng				94.415	94.415	0	0	124.408	0	0	124.408	0	0			



Đanh mục dự án

1	2	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2029				Kế hoạch năm 2021 - 2025 vốn đầu tư trong các đối tượng sách tỉnh				Phần cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tổng cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tổng cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:					
					Tổng số (tổng cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh					Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				0	0	0	0	0	0				0		
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				94.415	94.415	0	0	124.408	0	0	124.408	0	0		
1	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang, giai đoạn 2021-2025.	thành phố Rạch Giá	2021-2022	số 230/QĐ-SKHĐT ngày 28/7/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.	14.990	14.990			14.998			14.998				
2	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang; hạng mục: xây dựng mới phòng học, giảng đường, phòng làm việc và mua sắm thiết bị.	số 217 đường Chu văn An, thành phố Rạch Giá	2021-2023	2448/QĐ-UBND, 15/10/2020 của UBND tỉnh;					29.985			29.985				
3	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang; hạng mục: Cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị.	đường Mạc Cửu và Tô Hiến Thành, thành phố Rạch Giá	2021-2023	2448/QĐ-UBND, 15/10/2020 của UBND tỉnh;	29.990	29.990			29.990			29.990				
4	Xây dựng, sửa chữa Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang	phường An Hòa, thành phố Rạch Giá	2021-2024	543/NQ-HĐND, ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh;	49.435	49.435			49.435			49.435				
VIII	Sở Thông tin và Truyền thông				55.805	55.805	0	0	55.805	55.805	0	0	0	0		
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				0	0	0	0	0	0						
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				55.805	55.805	0	0	55.805	55.805	0	0	0	0		
1	Đư án đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.	145 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.	2021-2023	3039/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	29.900	29.900			29.900	29.900						
2	Đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.	Thành phố Rạch Giá	2021-2023	2944/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	2.000	2.000			2.000	2.000						
3	Đầu tư xây dựng công dã liệu số của các cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang.	thành phố Rạch Giá	2021-2023	Số 920/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của UBND tỉnh;	14.906	14.906			14.906	14.906						
4	Đư án xây dựng hệ thống Tổng đài tư vấn phục vụ người dân, doanh nghiệp trên nền Công dịch vụ công tỉnh Kiên Giang.	thành phố Rạch Giá (Sở Thông tin truyền thông)	2021-2023	số 2209/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh;	8.999	8.999			8.999	8.999						



Định mức dự án

1	2	3	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 - 2025 vốn đầu tư trong của đối ngân sách tỉnh					15	16
			4	5	Tổng mức đầu tư		8	9	10	Trong đó:			14		
					6	7				11	12	13			
Địa điểm xây dựng		Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bộ chỉ ngân sách địa phương	Phần cấp vốn huyện, thị, quận, lý		
IX	Sở Tài nguyên và Môi trường				833.750	412.983	287.288	287.288	475.392	35.392	440.000	0	0	0	
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				898.750	387.983	287.288	287.288	450.392	10.392	440.000	0	0	0	
1	Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	toàn tỉnh	2015-2022	2328/QĐ-UBND, ngày 01/10/2013; 2212/QĐ-UBND, ngày 23/10/2017 của UBND tỉnh;	755.022	371.511	287.288	287.288	440.000		440.000				
2	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (bổ trợ vốn đối ứng ODA)	thành phố: Ranch Gĩa, Hà Tiên, Kiên Quốc, huyện: Tân Hiệp, Giồng Riềng, Châu Thành.	2017-2022	1235/QĐ-BTNMT, ngày 30/5/2016 của Bộ Tài nguyên Môi trường; 930/QĐ-TTg, 30/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ; 2108/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh;	53.728	10.392			10.392	10.392					
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				25.000	25.000	0	0	25.000	25.000	0	0	0	0	
1	Xây dựng trụ sở các chi nhánh trực thuộc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Hi Tiên, Giồng Riềng, Tân Hiệp.	các huyện: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Giồng Riềng, Tân Hiệp và thành phố Hà Tiên.	2021-2023	2642/QĐ-UBND, 16/11/2020 của UBND tỉnh;	25.000	25.000			25.000	25.000					
X	Hội Chữ thập đỏ tỉnh				0	0	0	0	5.101	5.101	0	0	0	0	
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				0	0	0	0	0	0					
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025								5.101	5.101	0	0	0	0	
1	Xây dựng trụ sở Hội Chữ thập đỏ tỉnh			số 2702/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh;	5.101	5.101			5.101	5.101					
XI	Sở Du lịch				237.913	210.913	93.037	66.037	142.800	28.000	114.800	0	0	0	
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				237.913	210.913	93.037	66.037	142.800	28.000	114.800	0	0	0	
1	Đường vào khu du lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Phúân - mộ Chi Sứ)	huyện Hòa Đát	2019-2022	2505/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	59.453	59.453	18.184	18.184	41.200		41.200				



Đanh mục dự án

1	2	3	4	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 - 2025 vốn đầu tư trong các đối tượng sách tính					15	16		
				Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Trong đó:				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh					Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước			Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn lợi chi ngân sách địa phương
2	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào điểm du lịch Cây Gòn (đoạn Cây Gòn - kénh 14)	huyện U Minh Thượng	2019-2021	2503/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	38.000	38.000	15.000	15.000	23.000		23.000					
3	Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Mè (đoạn đường trên thân cè + đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba công Hòn Quáo)	huyện Hòn Đất	2019-2022	2496/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 703/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh;	59.869	59.869	388	388	58.600	8.000	50.600					
4	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu Du lịch lịch sử thắng cảnh núi Mỏ Sô và Hồ Hòa Mai.	huyện Kiên Lương và huyện U Minh Thượng	2016-2021	695/QĐ-UBND ngày 28/3/2016; số 1599/QĐ-UBND ngày 31/8/2016; số 2438/QĐ-UBND ngày 23/10/2019; số 1245/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh;	80.591	53.591	59.465	32.465	20.000	20.000						
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				0	0	0	0	0	0						
XII	Sở Kế hoạch và Đầu tư				73.377	73.377	11.885	11.885	61.492	0	61.492	0	0	0	0	
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				73.377	73.377	11.885	11.885	61.492	0	61.492	0	0	0	0	
1	Chi phí lập Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó:	toàn tỉnh	2019-2021	2272/QĐ-UBND, ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh;	73.377	73.377	11.885	11.885	61.492	0	61.492	0	0	0	0	
	- Sơ Kế hoạch và Đầu tư quản lý						72.160	11.635	11.635	60.525		60.525				
	- Sơ Tài nguyên và Môi trường quản lý						1.217	250	250	967		967				
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				0	0	0	0	0	0						
XIII	Sở Nội vụ				12.572	12.572	0	0	12.572	12.572	0	0	0	0	0	
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				0	0	0	0	0	0						
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				12.572	12.572	0	0	12.572	12.572	0	0	0	0	0	
1	Sửa chữa kho lưu trữ chuyển dụng thuộc Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang	phường An Hòa - thành phố Rạch Giá	2020-2022	386/QĐ-SK&ĐT, ngày 11/12/2020 của Sở KH&ĐT.	4.014	4.014			4.014	4.014						



Đanh mục dự án

1	2	3	4	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021-2025 vốn đầu tư trong các đối tượng sách tính						15	16
				Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trung đó:					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn đầu tư trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất		
2	Cải tạo, mở rộng 2 Nội vụ tỉnh Kiên Giang	thị trấn phố Rạch Giá		số 2736/QĐ-UBND, 10/11/2020 của UBND tỉnh;	8.558	8.558			8.558	8.558					
XIV	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh				69.815	69.815	3.355	3.355	66.770	46.770	0	20.000	0	0	0
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				5.880	5.880	3.355	3.355	2.520	2.520	0	0	0	0	0
1	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang; Hàng mục: xây dựng môi nhà ở Đại đội Thiết giáp.	thị trấn phố Rạch Giá	2020-2021	391/QĐ-SKHĐT, ngày 30/10/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	5.880	5.880	3.355	3.355	2.520	2.520					
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				63.935	63.935	0	0	64.250	44.250	0	20.000	0	0	0
1	Bệnh xá Quân y tỉnh Kiên Giang (Cai đoạn 2)	thị trấn phố Rạch Giá	2022-2024	2231/QĐ-UBND, 21/9/2020 của UBND tỉnh;	20.000	20.000			20.000			20.000			
2	Cải tạo, sửa chữa và xây dựng môi khu lý thuật Đại đội kho vũ khí/Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang	xã Long Thành, huyện Giồng Riềng	2021-2023	số 2259/QĐ-SKHĐT ngày 28/7/2021 của Sở KH&ĐT;	12.000	12.000			12.000	12.000					
3	Cải tạo, nâng cấp Ban chỉ huy Quân sự huyện Kiên Hải	huyện Kiên Hải	2021-2023	số 55/QĐ-SKHĐT ngày 24/02/2021 của Sở KH&ĐT	5.000	5.000			5.000	5.000					
4	Xây dựng trạm sửa chữa tổng hợp đo Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quân lý	thị trấn phố Rạch Giá	2021-2023	số 253/QĐ-SKHĐT ngày 13/9/2021 của Sở KH&ĐT;	14.992	14.992			15.000	15.000					
5	Đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ nhiệm vụ quốc phòng và quân sự địa phương	toàn tỉnh	2021-2023	42/QĐ-SKHĐT, ngày 24/12/2020 của Sở KH&ĐT;	10.000	10.000			10.000	10.000					
6	Đầu tư mua sắm thiết bị chốt đôn quân đo Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quân lý.	huyện Giang Thành và thành phố Hà Tiên	2020-2022	số 117/QĐ-SKHĐT ngày 25/5/2021 của Sở KH&ĐT;	1.943	1.943			2.250	2.250					
XV	Bộ Chỉ huy Biên Phòng tỉnh				294.352	294.352	9.500	9.500	285.793	285.793	0	0	0	0	0
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				72.800	72.800	9.500	9.500	63.300	63.300	0	0	0	0	0
1	Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Hòn Chông	xã Bình An, huyện Kiên Lương	2020-2022	2529/QĐ-UBND, ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh;	60.000	60.000	2.000	2.000	58.000	58.000					
2	Trạm Kiểm soát Giang Thỉnh	miền Giang Thỉnh	2020-2022	406/QĐ-SKHĐT, ngày 31/10/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	12.800	12.800	7.500	7.500	5.300	5.300					



Ban hành mục dự án

1	2	3	4	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 - 2025 vốn đầu tư trong các dự án ngân sách tỉnh					15	16		
				Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Trong đó:				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh					Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước			Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				221.552	221.552	0	0	222.493	222.493	0	0	0	0		
1	Đồn Biên phòng Vĩnh Diệu (965)	xã Vĩnh Diệu, huyện Giang Thành	2021-2022	số 91/QĐ-SKHĐT ngày 14/4/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,	2.800	2.800			2.800	2.800						
2	Đồn Biên phòng Phú Mỹ (973)	xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành	2021-2022	số 92/QĐ-SKHĐT ngày 14/4/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,	5.256	5.256			6.000	6.000						
3	Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Giá	phường Vĩnh Thước, thành phố Rạch Giá	2021-2022	số 267/QĐ-SKHĐT ngày 24/9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,	9.100	9.100			9.100	9.100						
4	Trạm Kiểm soát Biên phòng Kim Quy	xã Vĩnh Khánh, huyện An Minh	2021-2022	số 82/QĐ-SKHĐT ngày 24/3/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,	8.500	8.500			8.500	8.500						
5	Đồn Biên phòng Thổ Châu (770)	xã Thổ Châu, Thành phố Phú Quốc	2021-2022	68/QĐ-BQLKKTQ, 26/4/2021 của BQL khu kinh tế Phú Quốc,	8.303	8.303			8.500	8.500						
6	Đồn Biên phòng Tiến Hải (738)	xã Tiến Hải, thành phố Hà Tiên	2022-2023	2587/QĐ-UBND, 11/11/2020 của UBND tỉnh,	5.200	5.200			5.200	5.200						
7	Trạm Kiểm soát Biên phòng Đồi Mồi	xã Tiến Hải, thành phố Hà Tiên	2021-2022	2587/QĐ-UBND, 11/11/2020 của UBND tỉnh,	12.000	12.000			12.000	12.000						
8	Trạm Kiểm soát Biên phòng Xẻo Nhau	xã Tân Thạnh, huyện An Minh	2022-2024	2587/QĐ-UBND, 11/11/2020 của UBND tỉnh,	9.300	9.300			9.300	9.300						
9	Trạm Kiểm soát Biên phòng Kênh Cụt	phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá	2022-2024	2587/QĐ-UBND, 11/11/2020 của UBND tỉnh,	6.100	6.100			6.100	6.100						
10	Dự án nhà bia tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ bộ đội Biên phòng hy sinh trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc biên giới Tây Nam 1977-1979 (tiền thân lực lượng Công an nhân dân vũ trang).	huyện Giang Thành	2022-2024	1898/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh,	25.000	25.000			25.000	25.000						
11	Dự án Đồn biên phòng Xẻo Nhau	huyện An Minh	2021-2025	35/NQ-HĐND, ngày 14/11/2021 của HĐND tỉnh,	70.000	70.000			70.000	70.000						



1	2	3	4	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong các dự án ngân sách tỉnh						15	16	
				Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh					Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất			Đầu tư từ nguồn thu số vốn khác
12	Hệ thống kiểm soát an ninh công nghệ cao cho 03 trạm kiểm soát biên phòng	thị trấn phố Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc.	2021-2024	541/QĐ-HBND, ngày 14/01/2021 của UBND tỉnh;	59.993	59.993			59.993	59.993						
XVI	Công an tỉnh				188.200	188.200	0	0	188.200	188.200	0	0	0	0	0	0
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				0	0	0	0	0	0						
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				188.200	188.200	0	0	188.200	188.200	0	0	0	0	0	0
1	Trụ sở làm việc: Đội chữa cháy và CHCN khu vực U Minh Thượng (giai đoạn II) thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	huyện U Minh Thượng	2021-2022	1981/QĐ-UBND, 20/8/2020 của UBND tỉnh;	12.500	12.500				12.500	12.500					
2	Trụ sở làm việc Công an xã Lai Sơn, Vĩnh Phú (Quang Thành), Thổ Sơn, Bình Trị, An Minh Bắc, Móng Tho A thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	các huyện: Kiên Hải, Giang Thành, Hòn Dấu, Kiên Lương, U Minh Thượng, Châu Thành	2021-2022	số 404/QĐ-SKHĐT ngày 17/12/2020 của Sở KH&ĐT;	11.900	11.900				11.900	11.900					
3	Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Lộc, Nam Thái A, Đông Yên, Minh Thuận, Thạnh Yên, Vĩnh Phú (Đông Riềng), Mỹ Lâm thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	các huyện: Châu Thành, An Biên, U Minh Thượng, Giồng Riềng, Hòn Dấu	2021-2022	số 405/QĐ-SKHĐT ngày 17/12/2020 của Sở KH&ĐT;	11.900	11.900				11.900	11.900					
4	Trụ sở làm việc Công an xã Hòa Điền, Ngọc Chúc, Thanh Bình, Nam Thái, Đông Hưng A, Đông Hưng B và Nam Thái Sơn thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	các huyện: Kiên Lương, Giồng Riềng, An Biên, An Minh, Hòn Dấu	2022-2023	1981/QĐ-UBND, 20/8/2020 của UBND tỉnh;	12.750	12.750				12.750	12.750					
5	Trụ sở làm việc Công an xã Bình Giang, Vĩnh Hòa Hưng Nam, Vĩnh Hòa Hưng Bắc, Tân Thuận, Vĩnh Thuận, Tầm Hoi, Thành Đông B thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	các huyện: Hòn Dấu, Gò Quao, Vĩnh Thuận, Tân Hiệp	2022-2023	1981/QĐ-UBND, 20/8/2020 của UBND tỉnh;	12.750	12.750				12.750	12.750					
6	Trụ sở làm việc: Đội chữa cháy và cứu hộ cứu nạn khu vực Thượng Vĩnh Quang thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	thị trấn phố Rạch Giá	2024-2025	1981/QĐ-UBND, 20/8/2020 của UBND tỉnh;	18.000	18.000				18.000	18.000					



Đanh mục dự án

1	2	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư						Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong các đối tượng sách tỉnh				Phần cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
					Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất						Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bị chi ngân sách địa phương			
7	Trụ sở làm việc công an các xã: Thành Phước, Bản Tân Định, Văn Khánh Tây, Thuận Hòa, Vĩnh Bình Hòa, Vĩnh Thắng, Giục Tượng thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Giồng Riềng, An Minh, Vĩnh Thuận, Gò Quao, Châu Thành.	2021-2023	216/QĐ-SKHĐT ngày 10/8/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	11.900	11.900			11.900	11.900						
8	Trụ sở làm việc công an các xã: Minh Hòa, Đông Hòa, Mông Thập B, Thanh Yên A, Vĩnh Phong, Sơn Kiên, Tân Thành thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Châu Thành, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Hòn Đất, Tân Hiệp.	2021-2023	217/QĐ-SKHĐT ngày 10/8/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.	11.900	11.900			11.900	11.900						
9	Trụ sở làm việc công an các xã: Sơn Bình, Thanh Đông, Tân Hiệp A, Thủy Liễu, Bình An, Hòa Lợi, Ngọc Hòa thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Hòn Đất, Tân Hiệp, Gò Quao, Giồng Riềng.	2021-2023	2763/QĐ-UBND, 03/12/2020 của UBND tỉnh;	11.900	11.900			11.900	11.900						
10	Trụ sở làm việc công an các xã: Đông Thành, Vĩnh Hòa Phú, Bình Hòa, Hòa Thuận, Thanh Hòa, Mỹ Thuận thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: An Minh, Châu Thành, Gò Quao, Giồng Riềng, Hòn Đất.	2022-2023	2763/QĐ-UBND, 03/12/2020 của UBND tỉnh;	10.200	10.200			10.200	10.200						
11	Trụ sở làm việc công an các xã: Tân An, Hòa An, Thanh Đông A, Ngọc Thuận, Ngọc Thành, Mỹ Phước thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Tân Hiệp, Giồng Riềng, Hòn Đất.	2022-2023	2763/QĐ-UBND, 03/12/2020 của UBND tỉnh;	10.200	10.200			10.200	10.200						
12	Trụ sở làm việc công an các xã: Vĩnh Hòa Hiệp, Bình An (Châu Thành), Đông Hưng, Hưng Yên, Long Thành, Tân Hiệp B, Bình An (Kiên Lương) thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Châu Thành, An Minh, An Biên, Giồng Riềng, Tân Hiệp, Kiên Lương.	2024-2025	2763/QĐ-UBND, 03/12/2020 của UBND tỉnh;	11.900	11.900			11.900	11.900						
13	Trụ sở làm việc trạm công an kiểm soát giao thông đường thủy Tân Cầu	xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành	2022-2024	số 2601/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh;	14.000	14.000			14.000	14.000						
14	Trụ sở làm việc đội tuần chay và cứu nạn cứu hộ khu vực Tây Sông Hậu thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	xã Long Thành, huyện Giồng Riềng	2022-2024	số 2601/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh;	26.400	26.400			26.400	26.400						
XVII	Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang				51.494	51.494	0	0	51.494	35.000	0	16.494	0	0		
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				0	0	0	0	0	0						



Danh mục dự án

1	2	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đầu hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 - 2025 vốn đầu tư trong các đầu ngân sách tỉnh					Phần cấp vốn huyện, thị xã	Ghi chú
					Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh					Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				51.494	51.494	0	0	51.494	35.600	0	16.494	0	0	
1	Đầu tư mua sắm trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất chương trình, truyền dẫn tín hiệu phát sóng phát thanh của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	2020-2022	số 3126/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh;	16.494	16.494			16.494			16.494			
2	Trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất chương trình, quản lý, lưu trữ phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh truyền hình Kiên Giang.	thành phố Rạch Giá	2022-2024	số 33/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của HĐND tỉnh;	35.000	35.000			35.000	35.600					
XVIII	BQL Khu Kinh tế tỉnh				1.354	1.354	0	0	1.200	1.200	0	0	0	0	
1	Thực hiện chuẩn bị đầu tư - Đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Thành Lộc giai đoạn 2	xã Thành Lộc, huyện Châu Thành		Quyết định dự toán chuẩn bị đầu tư số 60/QĐ-BQLKKT, ngày 01/02/2021 của BQL Khu kinh tế tỉnh;	467	467			400	400				Đang hoàn thiện thủ tục chủ trương đầu tư	
2	Thực hiện chuẩn bị đầu tư- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Xô Á	xã Hưng Yên, huyện An Biên		Quyết định dự toán chuẩn bị đầu tư số 160/QĐ-BQLKKT, ngày 18/12/2020 của BQL Khu kinh tế tỉnh;	887	887			800	800				Đang hoàn thiện thủ tục chủ trương đầu tư	
XIX	Vào phòng Tỉnh ủy				223.165	195.355	72.072	72.072	123.223	58.323	64.900	0	0	0	
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025				165.742	137.932	72.072	72.072	65.800	900	64.900	0	0	0	
1	Khu di tích căn cứ Tỉnh ủy thời kỳ chống Mỹ của nước (1954-1975) ở huyện U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng	2020-2022	723/QĐ-UBND, ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh;	151.293	123.483	58.572	58.572	64.900		64.900				
2	Hội trường Huyện ủy Gò Quao	huyện Gò Quao	2019-2021	154/QĐ-SKHDT, ngày 12/6/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	14.449	14.449	13.500	13.500	900	900					
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				57.423	57.423	0	0	57.423	57.423	0	0	0	0	
1	Xây dựng mới kho Lưu Trữ lịch sử Đảng Tỉnh ủy	thành phố Rạch Giá	2021-2023	3157/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh;	35.000	35.000			35.000	35.000					
2	Sửa chữa, cải tạo nhà công vụ Tỉnh ủy	thành phố Rạch Giá	2021-2023	417/QĐ-SKHDT, ngày 24/12/2020 của Sở KH&ĐT;	3.400	3.400			3.400	3.400					



Thành mục dự án

1	2	3	4	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lay kế vốn đầu tư bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong ein đối ngân sách tỉnh		15	16				
				Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh			Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách tỉnh					Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn quỹ chi ngân sách địa phương
3	Cải tạo sân chôn nhà làm việc của ban Đảng Tỉnh ủy	thành phố Rạch Giá	2021-2023	2203/QĐ-UBND, 17/9/2020 của UBND tỉnh;	3.400	3.400			3.400	3.400					
4	Đầu tư hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của cơ quan Đảng	Tỉnh ủy và 15 Huyện ủy, Thành ủy trực thuộc	2023-2023	số 2151/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của UBND tỉnh;	5.833	5.833			5.833	5.833					
5	Sửa chữa, cải tạo Nhà làm việc Huyện ủy Châu Thành	thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành	2023-2024	số 2600/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh;	9.790	9.790			9.790	9.790					
XX	Vấn phòng UBND tỉnh				18.012	18.012	0	0	18.010	18.010	0	0	0	0	0
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025														
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				18.012	18.012	0	0	18.010	18.010	0	0	0	0	0
1	Cải tạo, sửa chữa Nhà Khách thành phòng làm việc; Khuôn viên phía trước trụ sở Văn phòng;	thành phố Rạch Giá	2020-2022	394/QĐ-SKH&ĐT, ngày 14/12/2020 của Sở KH&ĐT;	2.016	2.016			2.016	2.016					
2	Vấn phòng UBND tỉnh Kiên Giang; hạng mục: cải tạo Nhà ở chốt cảnh sát bảo vệ và phòng máy chủ	thành phố Rạch Giá	2020-2022	395/QĐ-SKH&ĐT, ngày 14/12/2020 của Sở KH&ĐT;	999	999			999	999					
3	Cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị Trung tâm phục vụ lãnh chính công thuộc Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	2021-2023	số 395/QĐ-SKH&ĐT ngày 24/9/2021 của Sở KH&ĐT;	14.997	14.997			14.995	14.995					
XXI	Vấn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh				14.974	14.974	0	0	14.974	14.974	0	0	0	0	0
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025														
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				14.974	14.974	0	0	14.974	14.974	0	0	0	0	0
1	Dự án cải tạo của chữa trụ sở làm việc và các hạng mục phụ của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	2021-2023	số 1970/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh;	14.974	14.974			14.974	14.974					
XXII	Ban Dân tộc tỉnh				5.960	5.960	0	0	5.960	5.960	0	0	0	0	0



anh mục dự án

I	2	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh				Phần cấp vốn huyện, thị, quận, lý	Ghi chú	
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh			Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu số vốn kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu chi ngân sách địa phương				
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025														
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				5.960	5.960	0	0	5.960	5.960	0	0	0	0	
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban Dân tộc tỉnh	thành phố Rạch Giá	2022-2023	1538/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh;	5.960	5.960			5.960	5.960					
XXIII	Chương trình hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà tình nghĩa, nhà người có công			số 32/NQ-HĐND, 14/11/2020 của HĐND tỉnh;	0	0	0	0	150.000	0		150.000		150.000	
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025														
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025								150.000	0	0	150.000	0	150.000	
1	Thành phố Rạch Giá	thành phố Rạch Giá							3.700			3.700		3.700	
2	Thành phố Hà Tiên	thành phố Hà Tiên							1.000			1.000		1.000	
3	Huyện Giang Thành	huyện Giang Thành							950			950		950	
4	Huyện Kiên Lương	huyện Kiên Lương							1.950			1.950		1.950	
5	Huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất							5.500			5.500		5.500	
6	Huyện Châu Thành	huyện Châu Thành							2.430			2.430		2.430	
7	Huyện Tân Hiệp	huyện Tân Hiệp							4.540			4.540		4.540	
8	Huyện Giồng Riềng	huyện Giồng Riềng							27.050			27.050		27.050	
9	Huyện Gò Quao	huyện Gò Quao							23.110			23.110		23.110	
10	Huyện An Biên	huyện An Biên							6.090			6.090		6.090	
11	Huyện An Minh	huyện An Minh							26.840			26.840		26.840	



Ban hành mục đích dự án

1	2	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong các đối ngân sách tỉnh				Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú	
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh					Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất			Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
12	Huyện U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng							25.100			25.100		25.100	
13	Huyện Vĩnh Thuận	huyện Vĩnh Thuận							18.290			18.290		18.290	
14	Thành phố Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc							2.860			2.860		2.860	
15	Huyện Kiên Hải	huyện Kiên Hải							500			500		500	
XXIV	Công trình trọng điểm, có tính chất tiêu kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - Xã hội; công trình 2016-2020 chuyển tiếp sang 2021-2025 tính hỗ trợ huyện đầu tư.														
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025														
1	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (Đường Lê Hồng Phong đến đường Phan Thi Rạng)	thành phố Rạch Giá	2019-2021	2507/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	53.469	53.469	1.000	1.000	52.000			52.000		52.000	
2	Đường Trần Văn Giàu (khu dân cư Nam An Hòa - đường Phan Thi Rạng)	thành phố Rạch Giá	2019-2021	2508/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	64.818	64.818	1.000	1.000	63.000			63.000		63.000	
3	Kê Kênh Nhánh và đường (cửa 3/2 đến công viên Tôn Đức Thắng)	thành phố Rạch Giá	2019-2021	2529/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	30.000	30.000	10.000	10.000	8.500			8.500		8.500	
4	Kê, đường và công viên (đường Hoàng Diệu đến công Sùng Kiên) Icha	thành phố Rạch Giá	2019-2021	2528/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	22.000	22.000	10.000	10.000	7.300			7.300		7.300	
5	Trường Trung học cơ sở Dương Đông 3, thành phố Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc	2018-2022	203/QĐ-BQLKKTQP, ngày 29/10/2018 của BQL Khu Kinh tế Phú Quốc;	60.801	60.801	40.000	40.000	16.700			16.700		16.700	
6	Đường trung tâm Bãi Trường đoạn 3 và các đường nhánh	huyện Phú Quốc	2016-2023	07/QĐ-BQLKKTQP, ngày 29/10/2015; 37/QĐ-BQLKKTQP, ngày 28/3/2016; 97/QĐ-BQLKKTQP, ngày 13/05/2020 của Ban quản lý Khu Kinh tế Phú Quốc;	1.312.000	275.000	437.727		275.000			275.000		275.000	



Thành mục dự án

1	2	3	4	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 - 2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh				15	16		
				Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh			Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất
7	Ngã trung Liệt ở huyện An Biên (San lấp mặt bằng, xây mới hàng rào)	huyện An Biên	2019-2021	số 3756/QĐ-UBND, ngày 18/9/2019; số 1951/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND huyện An Biên;	8.897	8.897	3.400	3.400	5.497			5.497		5.497			
8	Đường XT1, huyện An Minh	huyện An Minh	2019-2023	1127/QĐ-UBND, 13/5/2016; 523/QĐ-UBND, 05/3/2019 của UBND tỉnh;	200.000	198.000	127.000	125.000	70.000			70.000			huyện quản lý công trình		
9	Trường Tiểu học Thị trấn 1, huyện An Minh	huyện An Minh	2019-2021	3738/QĐ-UBND, ngày 29/10/2018; 3318/QĐ-UBND, ngày 16/9/2019 của UBND huyện An Minh;	14.950	14.950	7.503	7.503	7.400			7.400		7.400			
10	Cầu Ngã Năm, thị trấn Gò Quao.	huyện Gò Quao	2020-2021	2509/QĐ-UBND, 31/10/2019;	32.000	32.000	13.000	13.000	19.000			19.000		19.000			
11	Đường kinh Đền Đông, huyện Châu Thành.	huyện Châu Thành	2018-2021	2491/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2426/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh;	59.790	59.790	28.900	28.900	25.000			25.000		25.000			
12	Mô hình đường Giuse Tương - Bán Tân Định, huyện Châu Thành.	xã Giuse Tương, huyện Châu Thành	2019-2021	4217/QĐ-UBND, 30/10/2019; 1460/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của UBND huyện Châu Thành;	13.790	13.790	11.500	11.500	1.200			1.200		1.200			
13	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa Phú 2, huyện Châu Thành.	xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành	2019-2021	3850/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND huyện Châu Thành;	13.298	13.298	9.100	9.100	4.000			4.000		4.000			
14	Nạo vét kênh Rạch Giá - Hà Tiên và sông Giang Thành	thị trấn Hà Tiên	2020-2022	2492/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	40.000	40.000	5.000	5.000	31.000			31.000		31.000			
15	Đãi cát Hà Tiên, thành phố Hà Tiên.	thị trấn Hà Tiên	2020-2022	2493/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	30.000	30.000	10.000	10.000	17.000			17.000		17.000			
16	Đường ra của khẩu quốc tế Hà Tiên	thị trấn Hà Tiên	2019-2023	2510/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	200.480	200.480	91.135	91.135	109.000	109.000		109.000		109.000			
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				233.749	233.749	700	700	233.049	207.999	0	25.050	0	233.049			
1	Trường Mầm non Tân Thành, huyện An Minh	xã Tân Thành, huyện An Minh	2021-2023	3327/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện An Minh.	14.950	14.950	400	400	14.550			14.550		14.550			
2	Đường Thờ 8 - Thuận Hòa, huyện An Minh	xã Đông Thành, huyện An Minh	2021-2023	373/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND huyện An Minh;	10.500	10.500			10.500			10.500		10.500			



Ban hành mục dự án

1	2	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 - 2025 vốn đầu tư trong các đối tượng sách tỉnh				Phần cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó:		Trong đó:						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bị chi ngân sách địa phương		
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
3	Cầu kênh Lạc Út (ngang kênh Làng Thờ 7), huyện U Minh Thượng	xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng	2020-2022	3382/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020 của UBND huyện U Minh Thượng	14.999	14.999			14.999	14.999			14.999		
4	Cầu tuyến tránh Giồng Giếng	huyện Giồng Riềng	2020-2022	số 6307/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; số 2616/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND huyện Giồng Riềng.	50.000	50.000	300	300	49.700	49.700			49.700		
5	Đường 286 (Quốc lộ 80 - đê biển)	huyện Hòa Đức	2023-2025	Số 10/NQ-HĐND ngày 04/5/2021; 71/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 của HĐND huyện Hòa Đức;	84.000	84.000			84.000	84.000			84.000		
6	Tuyến đường ven sông Ba Voi, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao	2023-2025	1952/QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của UBND huyện Gò Quao;	56.000	56.000			56.000	56.000			56.000		
7	Dự án Quản lý nước biển vùng Phú Quốc (bổ trợ thực hiện công tác Chuẩn bị đầu tư)	Thành phố Phú Quốc	2022-2025		3.300	3.300			3.300	3.300			3.300	Đang hoàn thiện thủ tục chờ trong đầu tư (Thủ tướng CP quyết định)	
XXV	Chương trình nước sạch nông thôn và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025	Huyện Châu Thành, Giồng Riềng, Gò Quao, An Minh, An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Hòa Đức, Giồng Thành, TP Rạch Giá.	2021-2025	542/NQ-HĐND, ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh;	250.000	250.000	0	0	250.000	5.000	0	245.000	0		
a	Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025														
b	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025								250.000	5.000		245.000			
XXVI	Chỉ đầu tư từ nguồn vay lại, trả nợ gốc				783.076	10.392	0	0	74.500	25.700	0	0	48.800	0	
a	Bộ chỉ ngân sách địa phương (vay lại)				783.076	10.392	0	0	48.800	0	0	0	48.800	0	



Chiếm mục dự án

1	2	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Lay kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 - 2025 vốn đầu tư trong các đối tượng sách tính					Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú	
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh					Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16			
1	Dự án Chống chịu biến đổi khí hậu vùng Đông bằng sông Cửu Long.	các huyện: An Biên, An Minh	1825/TTg-QHQT, ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ; 1693/QĐ-BNN-RTQT, ngày 09/5/2016 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn;	729.247				39.330					39.330			
2	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	TP: Rach Giá, Phú Quốc, Hà Tiên; huyện: Châu Thành, Tân Hiệp, Giồng Riềng	1236/QĐ-BTNMT, ngày 30/5/2016 của Bộ Tài nguyên Môi trường; 920/QĐ-TTg, 30/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ; số 2108/QĐ-UBND ngày 20/9/2016; 1831/QĐ-UBND ngày 15/8/2019; số 900/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của UBND tỉnh;	53.829	10.392			9.470						9.470		
b	Trả nợ gốc							25.700	25.700	0	0	0	0			
1	Dự án Chống chịu biến đổi khí hậu vùng Đông bằng sông Cửu Long.	các huyện: An Biên, An Minh	1825/TTg-QHQT, ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ; 1693/QĐ-BNN-RTQT, ngày 09/5/2016 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn;	729.247				25.000	25.000							
2	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	TP: Rach Giá, Phú Quốc, Hà Tiên; huyện: Châu Thành, Tân Hiệp, Giồng Riềng	1236/QĐ-BTNMT, ngày 30/5/2016 của Bộ Tài nguyên Môi trường; 920/QĐ-TTg, 30/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ; số 2108/QĐ-UBND ngày 20/9/2016; 1831/QĐ-UBND ngày 15/8/2019; số 900/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của UBND tỉnh;	53.829	10.392			700	700							
XXVII	Chi bồi thường giải phóng mặt bằng từ nguồn thu tiền cho thuê đất.							590.000	590.000							
XXVIII	Hỗ trợ đầu tư công trình giao thông nông thôn				0	0	0	1.600.000	0	0	1.600.000	0	1.600.000	0	1.600.000	Phân bổ theo điểm số tại số 505/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh và Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh về chỉ tiêu huyện Năng thôn mới.
1	Thành phố Rach Giá	thành phố Rach Giá						101.838			101.838		101.838			



1	2	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 - 2025 vốn đầu tư trong các dự án ngân sách tỉnh					Phần cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh					Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
2	Thành phố Hà Tiên	thành phố Hà Tiên	*					67.098			67.098		67.098		
3	Huyện Giang Thành	huyện Giang Thành						93.587			93.587		93.587		
4	Huyện Kiên Lương	huyện Kiên Lương						112.046			112.046		112.046		
5	Huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất						132.343			132.343		132.343		
6	Huyện Châu Thành	huyện Châu Thành						100.743			100.743		100.743		
7	Huyện Tân Hiệp	huyện Tân Hiệp						98.639			98.639		98.639		
8	Huyện Giồng Riềng	huyện Giồng Riềng						167.085			167.085		167.085		
9	Huyện Gò Quao	huyện Gò Quao						122.076			122.076		122.076		
10	Huyện An Biên	huyện An Biên						100.224			100.224		100.224		
11	Huyện An Minh	huyện An Minh						113.809			113.809		113.809		
12	Huyện U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng						83.498			83.498		83.498		
13	Huyện Vĩnh Thuận	huyện Vĩnh Thuận						103.439			103.439		103.439		
14	Thành phố Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc						130.877			130.877		130.877		
15	Huyện Kiên Hải	huyện Kiên Hải						72.698			72.698		72.698		
XXIX	Đối ứng dự án vốn ODA. Trong đó:							500.000			500.000				



phục vụ mục đích an

1	2	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Lợi kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 - 2025 vốn đầu tư trong các đối tượng sách tính					Phần cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú	
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh					Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			Đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16			
1		huyện Kiên Lương	2014-2021	1469/QĐ-BVHTTDL, 16/5/2014; 2192/QĐ-BVHTTDL, 23/6/2015; số 165/QĐ-BVHTTDL, ngày 15/01/2021 của Bộ VHTTDL; số 1915/QĐ-UBND ngày 28/8/2018; số 1528/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh;	167.838	57.911			48.467	11.520		11.520				
2		thành phố Hà Tiên	2014-2021	1469/QĐ-BVHTTDL, 16/5/2014; 2192/QĐ-BVHTTDL, 23/6/2015; số 165/QĐ-BVHTTDL, ngày 15/01/2021 của Bộ VHTTDL; số 1915/QĐ-UBND ngày 28/8/2018; số 1528/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh;	50.086	13.857			11.521	2.336		2.336				
3		tỉnh Kiên Giang												đang đàm phán ký kết Hiệp định.		
4		Thành phố Phú Quốc												đang đàm phán ký kết Hiệp định.		
B					0	0	0	0	3.804.135	1.514.135	0	2.290.000	0	3.804.135		
I	Thành phố Rạch Giá	thành phố Rạch Giá							258.153	108.153		150.000		258.153		
II	Thành phố Hà Tiên	thành phố Hà Tiên							170.201	70.201		100.000		170.201		
III	Huyện Giang Thành	huyện Giang Thành							212.038	62.038		150.000		212.038		
IV	Huyện Kiên Lương	huyện Kiên Lương							258.897	108.897		150.000		258.897		
V	Huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất							315.261	115.261		200.000		315.261		
VI	Huyện Châu Thành	huyện Châu Thành							230.142	80.142		150.000		230.142		
VII	Huyện Tân Hiệp	huyện Tân Hiệp							229.912	109.912		120.000		229.912		



1	2	3	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong các đối tượng sách tỉnh				15	16			
			4	5	Tổng mức đầu tư		8	9	Trong đó:						
					6	7			10	11			12	13	14
Mục đích dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu xã số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu xã số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn quỹ chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị xã/quận/ty	Ghi chú
VIII	Huyện Giồng Riềng	huyện Giồng Riềng							403.401	103.401		300.000		403.401	
IX	Huyện Gò Quao	huyện Gò Quao							289.244	139.244		150.000		289.244	
X	Huyện An Biên	huyện An Biên							228.814	108.814		120.000		228.814	
XI	Huyện An Minh	huyện An Minh							262.281	113.281		150.000		262.281	
XII	Huyện U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng							191.582	91.582		100.000		191.582	
XIII	Huyện Vĩnh Thuận	huyện Vĩnh Thuận							236.981	86.981		150.000		236.981	
XIV	Thành phố Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc							331.860	131.860		200.000		331.860	
XV	Huyện Kiên Hải	huyện Kiên Hải							184.368	84.368		100.000		184.368	
C	VỐN TỰ THU SỬ DỤNG BẮT (PHẦN ĐÓ 60% CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ)					0	0	0	0	4.200.000	0	4.200.000	0	0	4.200.000
D	VỐN DỰ PHÒNG									260.042	249.038	0	10.954		